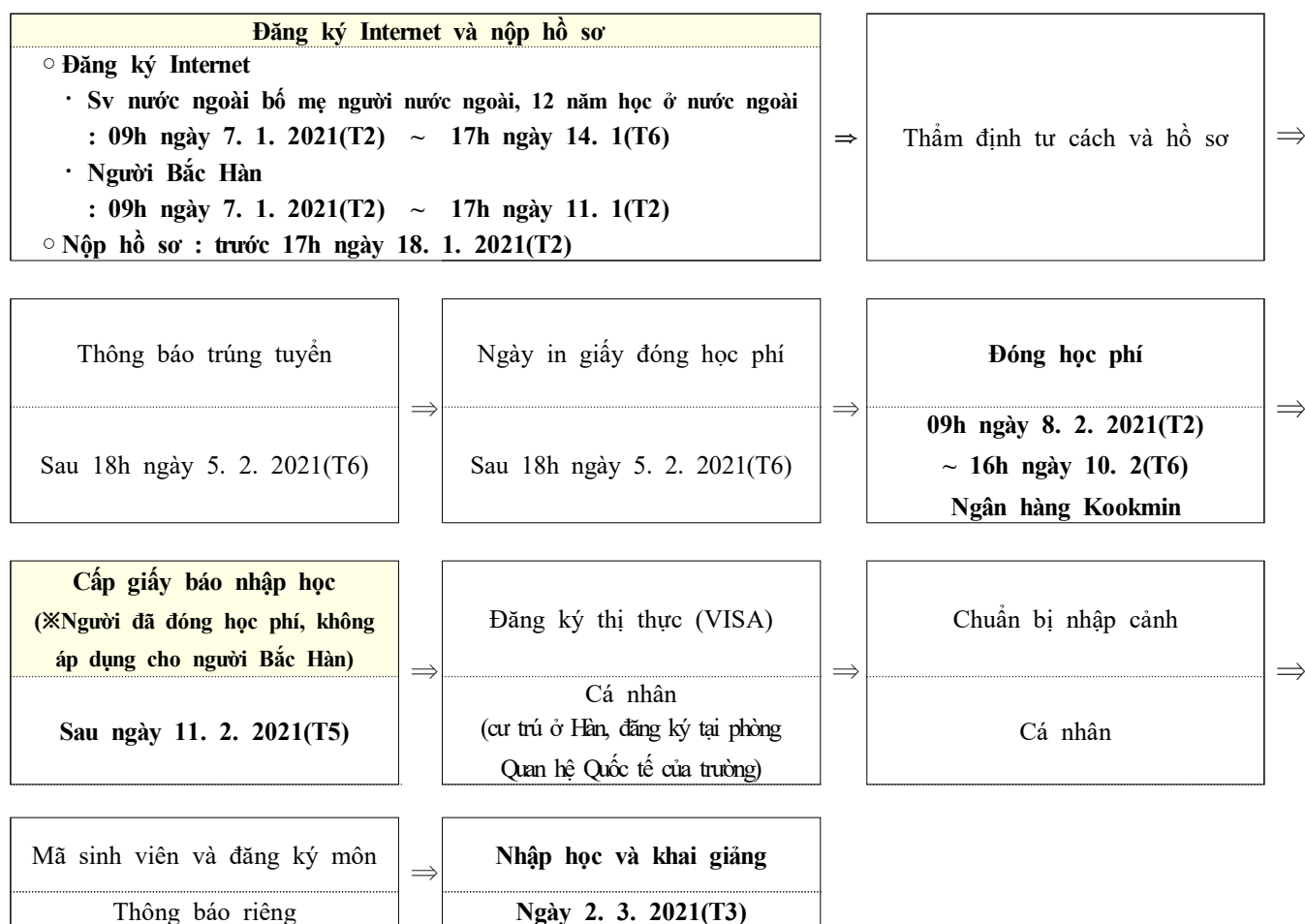


Học kỳ 1 năm học 2021

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẶC BIỆT

HỆ CHÍNH QUY DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

[Sv nước ngoài có bố mẹ là người nước ngoài, người hoàn thành 12 năm học ở nước ngoài, người Bắc Hàn]



※ Thời gian thông báo trúng tuyển, đóng học phí, cấp giấy báo nhập học có thể sớm hơn thông báo (nếu có thay đổi sẽ thông báo trên Website tuyển sinh của trường)

I . Đơn vị và chỉ tiêu tuyển sinh

Đại học	Ngành	Đơn vị tuyển sinh		Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu tuyển
Đại học văn khoa	Nhân văn	Khoa Sáng tác·Văn học quốc ngữ		69	20
		Khoa Anh ngữ		110	33
		Khoa ngoại ngữ	Chuyên ngành Tiếng Nhật	35	10
			Chuyên ngành Tiếng Pháp	32	9
		Khoa thông tin văn hiến		36	10
		Khoa sử học		33	9
Đại học kỹ thuật	Tự nhiên	Khoa cơ đốc giáo		30	9
		Khoa công nghệ máy tính		60	18
		Khoa kỹ thuật thông tin		60	18
		Khoa kỹ thuật điện tử · điện		55	16
		Khoa truyền thông đa phương tiện	Chuyên ngành KT truyền thông	43	12
			Hình ảnh truyền thông	43	12
		Khoa kiến trúc (5 năm)		33	9
		Khoa kiến trúc·xây dựng	Chuyên ngành KT kiến trúc	33	9
			Chuyên ngành KT môi trường xây dựng	52	15
		Khoa kỹ thuật quản lí công nghiệp		49	14
		Khoa kỹ thuật cơ khí		70	21
		Khoa kỹ thuật hóa		45	13
		Khoa kỹ thuật nguyên liệu mới		45	13
		Chuyên ngành KT-DH thông minh (IOL thông minh/hệ thống thông minh)		60	18
		Đại học kinh tế	Nhân văn	Khoa kinh doanh	
Khoa kế toán				89	26
Khoa thương mại				60	18
Khoa kinh tế	Chuyên ngành kinh tế học			70	21
	Chuyên ngành thương mại kinh tế Trung Quốc			47	14
Khoa quản lý khách sạn				50	15
Đại học luật	Nhân văn	Khoa luật (Chuyên ngành luật/ Chuyên ngành luật tư pháp)		89	26
		Khoa hành chính-cảnh sát	Chuyên ngành hành chính	67	20
			Chuyên ngành cảnh sát	34	10
		Khoa chính trị-ngôn luận		38	11
Đại học khoa học Nano·đời sống	Tự nhiên	Khoa khoa học hệ thống đời sống		77	23
		Khoa dinh dưỡng thực phẩm		46	13
		Khoa hoá học		57	17
		Khoa toán học		55	16
		Khoa thể dục sinh hoạt		50	15
Đại học dung hợp kinh tế xã hội	Nhân văn	Khoa phúc lợi xã hội		37	11
		Khoa phúc lợi trẻ em		38	11
		Khoa tư vấn tâm lý		35	10
		Khoa doanh nghiệp kinh tế xã hội		35	10
		Khoa ứng dụng Big data		40	12
Linton Global Business School	Nhân văn	Chuyên ngành kinh doanh toàn cầu		70	70
		Chuyên ngành kinh doanh IT toàn cầu		55	55
Khoa nghệ thuật tạo hình	Năng khiếu	Chuyên ngành thiết kế dung hợp		91	27
		Chuyên ngành hội họa		35	10
		Chuyên ngành thiết kế quần áo		34	10
Khoa chuyên ngành tự do	Tự nhiên	Khoa chuyên ngành tự do		77	23
Tổng				2,495	819

- Đối với chuyên ngành giáo dục(6 khoa) và khoa y tá không tiếp nhận đơn đăng ký.

II. Điều kiện đăng ký

Tư cách đăng ký

- Người nước ngoài có bố mẹ đều là người nước ngoài
 - Là người tốt nghiệp(tạm thời) trường THPT trong • ngoài Hàn Quốc có bố • mẹ đều là người ngoại quốc
- Người hoàn thành chương trình 12 năm học ở nước ngoài
 - Người đã hoàn thành toàn bộ chương trình giáo dục ở nước ngoài tương ứng tiểu học • trung học của Hàn Quốc
- Người Bắc Hàn
 - Theo điều luật liên quan người có đăng ký là người đào thoát khỏi Bắc Hàn được công nhận học lực đã tốt nghiệp chương trình trên 12 năm tương ứng

Tư cách đăng ký và Tiêu chuẩn chứng nhận chương trình học

- Không công nhận đối với trường hợp năm học(học kỳ) bị trùng
- Không công nhận đối với trường hợp có chứng nhận học Cyber, Home schooling, kỳ thi kiểm định
- Chương trình giáo dục 12 năm (Tiểu • Trung học • Phổ thông) được chứng nhận theo tiêu chuẩn chương trình học Hàn Quốc
 - Công nhận đối với trường hợp học tại nước ngoài Tiểu học lớp 1~6, Trung học cơ sở lớp 7~9, Trung học phổ thông lớp 10~12(13) [Luật thi hành giáo dục Tiểu • Trung học điều 98(công nhận học lực đồng đẳng và người tốt nghiệp Trung học phổ thông) Điều 98 thi hành theo Luật giáo dục Tiểu • Trung học]
- Trường hợp tốt nghiệp Tiểu • Trung học tại 1 nước
 - : Không phụ thuộc vào năm học, công nhận quá trình trung học phổ thông cuối trong 3 năm
- Trường hợp tốt nghiệp Tiểu • Trung học trên 2 nước

Năm học	Điều kiện công nhận và không công nhận	Ghi chú
Dưới 10 năm	Không công nhận	Chỉ công nhận số thời gian học tại đại học thay cho số thời gian thiếu trong thời gian (quá trình) học tập bằng thời gian học THPT dựa theo năm học
11 năm	Công nhận 3 năm cuối cùng của chương trình THPT với trường hợp hoàn thành Tiểu • Trung học tại nước nhà	
12 năm học	(Chỉ với trường hợp phải hoàn thành chương trình giáo dục Tiểu • Trung học trên 11 năm tại 2 nước)	
Trên 13 năm	Công nhận chương trình THPT với trường hợp hoàn thành ở nước sở tại 10~12 năm hoặc 11~13 năm	

- Chỉ những trường hợp ngoại lệ sau được công nhận
 - Trường hợp thiếu 1 học kì (6 tháng) trong tổng số thời gian học do bất buộc vì sự khác nhau ở các nước người hoàn thành chương trình giáo dục Tiểu • Trung học • Phổ thông trên 12 năm tại 2 nước khác nhau, trong quá trình Trước • Chuyển đổi quá trình trên 2 nước
 - Trường hợp thiếu do tốt nghiệp sớm hoặc học vượt lớp trong quá trình 12 năm Tiểu • Trung học • Phổ thông được chấp thuận chế độ tốt nghiệp sớm hoặc vượt lớp theo pháp lệnh quan hệ giáo dục của nước sở tại (không công nhận vượt lớp trong thời kỳ Trước • Liên thông)
- Người đăng ký đủ điều kiện nộp đơn dựa trên việc xem xét học kỳ và năm học ở nước sở tại
- Với trường hợp khác thì 'Hội đồng tuyển sinh sinh viên ngoại quốc' sẽ phán đoán
- Theo 「Luật quốc tế Điều 11-2 (Tình trạng pháp lý của người mang 2 quốc tịch)」, người có 2 quốc tịch sẽ được xem là người Hàn Quốc, không được công nhận là người thuần ngoại quốc

III. Phương pháp tuyển chọn

Phương pháp đánh giá và yếu tố tuyển chọn

Loại hình	Tỷ lệ đánh giá yếu tố tuyển chọn	Ghi chú
Là người ngoại quốc có bố mẹ đều là người ngoại quốc (người thuần ngoại quốc) Người hoàn thành quá trình giáo dục 12 năm tại nước ngoài	Lựa chọn hồ sơ 100%	· Trường hợp người đăng ký ngành Global Business chưa đạt điểm chứng nhận ngôn ngữ thông qua phỏng vấn đánh giá năng lực tiếng Anh

- ☐ Nguyên tắc xử lý ứng viên đồng điểm (không bao gồm người Bắc Hàn)
 - Thứ tự 1 : Điểm toàn phần của trường cuối cùng - Thứ tự 2 : Điểm của học kỳ cuối của trường cuối cùng
- ☐ Phải nộp toàn bộ hồ sơ ghi trong Thông tin tuyển sinh và phải xác nhận việc hồ sơ đã được tiếp nhận chưa.
- ☐ Nếu không nộp đủ các hồ sơ còn thiếu theo thời gian quy định, sẽ xử lý không đạt yêu cầu.
- ☐ Khi cần đánh giá Hội đồng tuyển sinh người nước ngoài của trường có thể tiến hành đánh giá năng lực toán.

IV. Lịch trình tuyển sinh

Phân loại	Thời gian	Ghi chú
Đăng ký trên Internet và nộp hồ sơ	· Đăng ký Internet : 09h ngày 7. 1. 2021(T2) ~ 17h ngày 14. 1(T5) · Nộp hồ sơ : đến 17h 18. 1. 2021(T2)	· Chỉ đăng ký trên Internet (không nhận đăng ký tại văn phòng) - Trang nhập học trường đại học Hannam(http://ibsi.hnu.kr) · Nộp hồ sơ : Tại phòng tuyển sinh (có thể gửi qua bưu điện)
Thông báo trúng tuyển	Sau 18h ngày 5. 2. 2021(T6)	· Thông báo trên trang nhập học của trường (http://ibsi.hnu.kr)
In giấy đóng học phí	Sau 18h ngày 5. 2. 2021(T6)	· Xác nhận trên trang nhập học của trường (http://ibsi.hnu.kr)
Đóng học phí	09h ngày 8. 2. 2021(T2) ~ 16h ngày 10. 2(T4)	· Tất cả chi nhánh ngân hàng Kookmin KB
Cấp giấy báo nhập học	Sau ngày 11. 2. 2021(T5)	· Du học sinh cần cấp Visa du học (Sẽ ban cấp sau khi xác nhận việc đóng học phí)

※ Thời gian thông báo trúng tuyển, đóng học phí, cấp giấy báo nhập học có thể sớm hơn thông báo (nếu có thay đổi sẽ thông báo trên Website tuyển sinh của trường)

V-1. Hồ sơ

(Trường hợp ứng viên là người Trung Quốc)

STT	Danh mục hồ sơ	
1	Đơn đăng ký và bản giới thiệu bản thân (điền trực tiếp khi đăng kí online)	
2	Thư tán thành (theo mẫu của nhà trường)	
3	Quá trình học tập (theo mẫu của nhà trường)	
4-1	Giấy tốt nghiệp cấp 3 (dự kiến) (chỉ có thể nộp bản sao chứng nhận học phần)	① Trường hợp giấy tờ không bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh thì phải nộp bản dịch có công chứng bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh. Nếu nộp Giấy xác nhận người dịch thì không cần công chứng. (Bản mẫu trong Thông tin tuyển sinh) ② <u>Đối với bằng tốt nghiệp và học học bạ cấp 3 thì phải kèm thêm một trong các xác nhận sau</u> - <u>Xác nhận lãnh sự</u> của Đại sứ quán Hàn Quốc tại Trung Quốc - <u>Xác nhận (Apostille)</u> của cơ quan chính phủ tại Trung Quốc - <u>Xác nhận lãnh sự</u> của Đại sứ quán Trung Quốc tại Hàn Quốc ③ Khi cần xác nhận học lực của ứng viên có thể yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ cấp 1 và cấp 2 (bằng tốt nghiệp, học bạ) - Với trường hợp được nhận yêu cầu từ Phòng tuyển sinh của trường
4-2	Bản gốc học bạ cấp 3	
5	Bản gốc giấy chứng thực xuất nhập cảnh (trường hợp chưa nhập cảnh đến Hàn không cần nộp)	
6	Bản sao hộ chiếu	
7	Bản sao chứng minh Hàn Quốc (trường hợp đang sinh sống tại Hàn Quốc)	
8	Bản gốc chứng chỉ ngoại ngữ [nộp chứng chỉ ngoại ngữ tương ứng với (chuyên ngành) khoa dưới đây]	
	Phân loại	Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ
	Chuyên ngành Kinh doanh toàn cầu Đối với ứng viên sinh ra tại nước không sử dụng tiếng Anh	· TOEIC 850 · TOEFL CBT 213 · TOEFL iBT 80 · IELTS 6.0 · TEPS 700 Chọn 1 Trường hợp không có chứng chỉ ngoại ngữ có thể được thay thế bằng hình thức phỏng vấn (phỏng vấn trực tiếp hoặc qua Internet)
	Khoa (chuyên ngành) khác ngoài chuyên ngành Kinh doanh toàn cầu	· Chứng chỉ tiếng Hàn(TOPIK) cấp 3 trở lên do Viện giáo dục quốc tế cấp · Chứng nhận tiếng Hàn(tương ứng TOPIK cấp 3) do Viện tiếng Hàn của trường cấp · Chứng nhận kết thúc khóa học tiếng Hàn lớp 3 trở lên do Viện tiếng Hàn của trường cấp Chọn 1
		(chỉ ứng viên đang theo học trên 3 năm tại các trường THCS·THPT ở Hàn Quốc (ngoại trừ trường người ngoại quốc, trường quốc tế) thì phải nộp Sổ ghi nhận sinh hoạt của trường Tiểu·Trung học thay cho chứng chỉ (TOPIK)
9	Giấy chứng nhận do chính phủ Trung Quốc cấp tương ứng với sổ hộ khẩu tại Hàn Quốc - Bản sao sổ hộ khẩu (có tên toàn bộ gia đình), bản sao giấy chứng minh thư (bao gồm bố mẹ) ※Trường hợp sống riêng, phải nộp giấy xác nhận quan hệ gia đình (giấy xác nhận thân nhân)	
▣ Trường hợp trúng tuyển, sau khi đóng học phí trong quá trình cấp thị thực Visa nộp bản gốc giấy xác nhận số dư ngân hàng cấp sau tháng 2.2021 (đứng tên bản thân hoặc tên bố mẹ; trên USD 18.000)		

V-2. Hồ sơ

(Trường hợp ứng viên không phải là người Trung Quốc)

STT	Danh mục hồ sơ		
1	Đơn đăng ký và bản giới thiệu bản thân (điền trực tiếp khi đăng kí online)		
2	Thư tán thành (theo mẫu của nhà trường)		
3	Quá trình học tập (theo mẫu của nhà trường)		
4-1	Bản gốc bằng tốt nghiệp cấp 3 (dự kiến)	① Trường hợp giấy tờ không bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh thì phải nộp bản dịch có công chứng bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh. Nếu nộp Giấy xác nhận người dịch thì không cần công chứng. (Bản mẫu trong Thông tin tuyển sinh) ② <u>Đối với bằng tốt nghiệp và học học bạ cấp 3 thì phải kèm thêm một trong các xác nhận sau:</u> - <u>Xác nhận lãnh sự của Đại sứ quán Hàn Quốc</u> tại Việt Nam - <u>Xác nhận (Apostille)</u> của cơ quan chính phủ tại Việt Nam - <u>Xác nhận lãnh sự của Đại sứ quán Việt Nam</u> tại Hàn Quốc (Trường hợp Bộ Giáo dục Hàn Quốc công nhận là trường đại học trong nước và trường Hàn Quốc ở nước ngoài thì không cần nộp xác nhận) ③ Khi cần xác nhận học lực của ứng viên có thể yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ cấp 1 và cấp 2 (bằng tốt nghiệp, học bạ) - Với trường hợp được nhận yêu cầu từ Phòng tuyển sinh của trường	
4-2	Bản gốc học bạ cấp 3		
5	Bản gốc giấy chứng thực xuất nhập cảnh (trường hợp chưa nhập cảnh đến Hàn không cần nộp)		
6	Bản sao hộ chiếu		
7	Bản sao chứng minh người nước ngoài tại Hàn Quốc (chỉ trường hợp đang lưu trú tại Hàn Quốc)		
8	Bản gốc chứng chỉ ngoại ngữ [nộp chứng chỉ ngoại ngữ tương ứng với (chuyên ngành) khoa dưới đây]		
	Phân loại	Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ	
	Chuyên ngành Kinh doanh toàn cầu Đối với ứng viên sinh ra tại nước không sử dụng tiếng Anh	· TOEIC 850 · TOEFL CBT 213 · TOEFL iBT 80 · IELTS 6.0 · TEPS 700 Chọn 1	Trường hợp không có chứng chỉ ngoại ngữ có thể được thay thế bằng hình thức phỏng vấn (phỏng vấn trực tiếp hoặc qua Internet)
	Khoa (chuyên ngành) khác ngoài chuyên ngành Kinh doanh toàn cầu	· Chứng chỉ tiếng Hàn(TOPIK) cấp 3 trở lên do Viện giáo dục quốc tế cấp · Chứng nhận tiếng Hàn(tương ứng TOPIK cấp 3) do Viện tiếng Hàn của trường cấp · Chứng nhận kết thúc khóa học tiếng Hàn lớp 3 trở lên do Viện tiếng Hàn của trường cấp Chọn 1 (Chỉ ứng viên đang theo học trên 3 năm tại các trường Tiểu·Trung học ở Hàn Quốc(ngoại trừ trường người ngoại quốc, trường quốc tế) thì phải nộp Sổ ghi nhận sinh hoạt của trường Tiểu·Trung học thay cho chứng chỉ (TOPIK)	
9	Bản gốc giấy chứng nhận được cơ quan chính phủ nước ngoài ban hành tương đương sổ hộ khẩu của Hàn Quốc -Bản gốc giấy khai sinh(hoặc sổ hộ khẩu)	Trường hợp giấy tờ không bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh thì phải nộp bản dịch có công chứng bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh. Nếu nộp Giấy xác nhận người dịch thì không cần công chứng. (Bản mẫu trong Thông tin tuyển sinh)	
■ Trường hợp trúng tuyển, sau khi đóng học phí trong quá trình cấp thị thực Visa nộp bản gốc giấy xác nhận số dư ngân hàng sau tháng 2. 2021 (đúng tên bản thân hoặc tên bố mẹ; trên USD 18.000)			

V-3. Hồ sơ (Người Bắc Hàn)

STT	Danh mục hồ sơ		
1	Đơn xin nhập học và bản giới thiệu bản thân (điền trực tiếp khi đăng kí Internet)		
2	bản gốc xác nhận đăng ký người đào thoát khỏi Triều Tiên, hoặc bản gốc xác nhận đối tượng bảo hộ giáo dục Bộ thống nhất (cán bộ thành phố-quận nơi phụ trách cấp thường trú bảo hộ người Bắc Hàn)		
3	Bản gốc xác nhận học lực (Phòng giáo dục thành phố-quận cấp)		
4	Đối với ứng viên ngành Kinh doanh toàn cầu nộp bản gốc bảng điểm ngoại ngữ		
	Bảng điểm ngoại ngữ		
	· TOEIC 850 · TOEFL CBT 213 · TOEFL IBT 80 · IELTS 6.0 · TEPS 700 Chọn 1 trường hợp không có chứng chỉ ngoại ngữ có thể thay thế bằng hình thức phỏng vấn (phỏng vấn trực tiếp hoặc qua internet)		

VI. Những hạng mục khác liên quan việc nộp hồ sơ

- Ngoài những hồ sơ bên trên, có thể yêu cầu nộp thêm các hồ sơ liên quan đến xác nhận bằng cấp.
- Trường hợp đạt học vấn cuối cùng tại Trung Quốc, giấy chứng nhận học lực có thể đăng kí tại trang <http://www.cdgd.edu.cn/> <https://www.chsi.com.cn/>
- Với các giấy chứng nhận tốt nghiệp trường ngoại quốc, học bạ thì phải ghi rõ số điện thoại liên lạc, số fax, địa chỉ tiếng Anh của trường.
- Thời hạn đến cuối tháng 2 năm 2021 ứng viên phải nộp bằng tốt nghiệp cấp 3 ở nước ngoài(hoặc đại học) (bao gồm xác nhận lãnh sự và Apostille) cho phòng tuyển sinh của trường. Trường hợp không nộp đúng thời hạn quy định việc nhập học sẽ bị hủy và không hoàn lại tiền học phí đã đóng(bao gồm phí nhập học).
- Nộp hồ sơ : (34430) Phòng tuyển sinh trường Đại học Hannam, 70 Hannamro (Ojeong-dong), quận Daedeok, thành phố Daejeon.
- Thắc mắc : Phòng tuyển sinh trường Đại học Hannam(☎ 042/629-8282, Fax 042/629-7838, <http://ibsi.hnu.kr>)

- Tình trạng ký kết hiệp định (Apostille): theo chuẩn 23. 6. 2020 (nguồn : Bộ ngoại giao, <http://www.0404.go.kr>)

Khu vực	Quốc gia/Khu vực
Châu Á, Châu Đại Dương	Úc, một phần của Trung Quốc (Macao, HongKong), Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand, Brunei, Mông Cổ, Quần Đảo Cook, Fiji, Ấn Độ, Quần đảo Marshall, Mauritius, Vanuatu, Samoa, Tonga, Niue, Tajikistan, Pilipin
Châu Âu	Albania, Austria, Belarus, Belgium, Bosnia-Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Cộng hòa Síp, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Georgia, Đức, Malta, Hy Lạp, Hungary, Iceland, Ireland, Ý, Latvia, Litva, Luxembourg, Monaco, Montenegro, Holland, Norway, Ba Lan, Portugal, Nga, Rumania, Serbia, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Kyrgyzstan, Macedonia, Ukraine, Anh, Andorra, Armenia, Azerbaijan, Moldova, Liechtenstein, San Marino, Kazakhstan, Uzbekistan, Kosovo
Bắc Mỹ	Mỹ
Trung Nam Mỹ	Argentina, Mexico, Panama, Suriname, Venezuela, Antigua và Barbuda, Bahamas, Barbados, Belize, Colombia, Dominica, Cộng hòa Dominicana, Ecuador, El Salvador, Granada, Honduras, Saint Vincent và Grenadines, Peru, Trinidad và Tobago, Saint Lucia, Saint Kitts và Nevis, Costa Rica, Uruguay, Nicaragua, Paraguay, Brazil,Chille, Guatemala, Bolivia, Guyana
Châu Phi	Nam Phi, Botswana, Burundi, Lesotho, Liberia, Namibia, Sao Tome và Principe, Swaziland, Malawi, Cape Verde, Seychelles
Trung Đông	Oman, Israel, Bahrain, Morocco, Tunisie

- Trường học Hàn Quốc tại nước ngoài: Theo chuẩn 30. 9. 2019 (nguồn : Bộ ngoại giao, <http://www.moe.go.kr>)

Quốc gia/Khu vực	Tên trường
Nhật Bản	Trường Hàn Quốc DongKyeong, Trường Quốc tế Kyoto, Trường Osaka Gumkang, Trường Hàn Quốc Konkook
Trung Quốc	Trường Quốc tế Hàn Quốc Bukgyeong, Trường Hàn Quốc Sanghae, Trường Hàn Quốc Yeonbyeon, Trường Quốc tế Hàn Quốc Chonjin, Trường Hàn Quốc MuSeok, Trường Quốc tế Hàn Quốc Hong Kong, Trường Hàn Quốc YeonDae, Trường Quốc tế Hàn Quốc DaeRyeon, Trường Quốc tế Hàn Quốc Sonyang, Trường Hàn Quốc ChingtaoCheongun, Trường Hàn Quốc Soju, Trường Hàn Quốc KwangJeou, trường Hàn Quốc Wei Hai
Đài Loan	Trường Hàn Quốc TaiPei, Trường quốc tế Hàn Quốc Kaosyong
Việt Nam	Trường Quốc tế Hàn Quốc Hồ Chí Minh, Trường Quốc tế Hàn Quốc Hà Nội
Philipin	Trường Quốc tế Hàn Quốc Philippin
Thái Lan	Trường Quốc tế Hàn Quốc Bangkok
Indonesia	Trường Quốc tế Hàn Quốc Jakaruta
Singapore	Trường Quốc tế Hàn Quốc Singapore
Saudi Arabia	Trường Hàn Quốc Jetta, Trường Hàn Quốc Riyadh
Iran	Trường Hàn Quốc Taehaeran
Ả Rập	Trường Hàn Quốc Kairo
Paraquay	Trường Hàn Quốc Paraquay
Argentine	Trường Hàn Quốc Argentine
Malaysia	Trường Quốc tế Hàn Quốc Malaysia
Nga	Trường Hàn Quốc Mosscow
Campuchia	Trường Hàn Quốc Phnom Penh

VI. Những điều ứng viên cần chú ý

Điều khoản liên quan đến đăng ký

- Ứng viên đỗ nhiều trường nhất định chọn một trường để đóng học phí, trường hợp đóng học phí đồng thời nhiều trường sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển của tất cả các trường.
- Ứng viên trúng tuyển phải nộp học phí theo ngân hàng nhà trường đã chỉ định trong thời gian quy định, nếu quá thời gian quy định mà ứng viên chưa nộp học phí coi như ứng viên từ bỏ quyền nhập học.

Điều khoản liên quan đến hồ sơ

- Hồ sơ nộp phải được bản thân nộp theo thời gian quy định, tuy nhiên bắt buộc dĩ phải nhờ người khác đến nộp thay (bố mẹ, người thân hoặc người quen) thì người đến nộp cần phải nắm rõ học lực, địa chỉ tạm trú • thời gian lưu trú • tình trạng theo học tại nước ngoài của thí sinh để có thể trả lời được các câu hỏi của người tiếp nhận hồ sơ.
- Nếu tên ghi trong hồ sơ không đúng thì cần phải nộp thêm giấy tờ chứng thực đồng nhất một người được pháp luật nước sở tại chứng nhận.
- Nếu hồ sơ không được ghi bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh thì phải được nộp kèm với bản dịch công chứng sang tiếng Hàn hoặc tiếng Anh và gửi kèm bản gốc.
- Ngoài hồ sơ cần nộp có thể yêu cầu bổ sung các hồ sơ khác cần để xác nhận tư cách.
- Mọi giấy tờ phải nộp bản gốc, trường hợp bắt buộc dĩ nộp bản photo thì bản gốc cần phải được đóng “dấu chứng nhận thay thế bản gốc” của cơ quan cung cấp hoặc nơi tiếp nhận hồ sơ.
- Trường hợp kê khai không đúng sự thật thì việc trúng tuyển và nhập học sẽ bị hủy bỏ.
- Trong thời gian tuyển chọn để tiện cho việc liên lạc thì ứng viên phải ghi rõ số điện thoại, địa chỉ, trường hợp thay đổi số liên lạc phải nhanh chóng báo cho Phòng tuyển sinh. Nếu số liên lạc không rõ ràng thì ứng viên sẽ gặp bất lợi và phải chịu trách nhiệm.
- Hồ sơ đã nộp không thể rút lại hoặc thay đổi.
- Ứng viên nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp được cấp tại trường cấp 3 nước ngoài(hoặc đại học) cuối tháng 2 năm 2021(bao gồm xác nhận lãnh sự và Apostille) phải nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp cho phòng tuyển sinh. Trường hợp không nộp theo thời gian quy định sẽ bị hủy việc nhập học và không hoàn lại học phí (bao gồm phí nhập học).

Điều khoản liên quan đến tuyển sinh

- Việc thông báo trúng tuyển sẽ không thông báo riêng nên ứng viên phải tự vào trang chủ của trường (<http://ibsi.hnu.kr>) phản hướng dẫn nhập học để xác nhận.
- Nếu không tuân thủ được trình tự và thời gian theo quy định và hồ sơ có thiếu sót thì sẽ bị xử lý không trúng tuyển.
- Trường hợp không tích cực hợp tác trong việc thẩm định học lực sẽ bị xem như học lực có vấn đề và dù đã nhập học rồi cũng có thể bị hủy bỏ.
- Điểm số và đánh giá tuyển sinh sẽ không được công khai.
- Sau khi trúng tuyển nhưng bị cơ quan liên quan từ chối cấp giấy xác nhận hoặc không được cấp Visa nên không thể nhập cảnh thì việc trúng tuyển sẽ bị hủy bỏ.
- Thông tin liên quan đến việc tuyển sinh như trình tự tuyển sinh sẽ được Phòng tuyển sinh của trường xử lý.
- Lệ phí tuyển sinh :

85,000won (bao gồm lệ phí đăng ký hồ sơ 5,000won)

Điều khoản liên quan đến đóng học phí

Ứng viên trúng tuyển phải in giấy thông báo trúng tuyển và giấy đóng học phí để đóng học phí trong thời gian quy định. thông tin chi tiết hơn về đóng học phí sau 18h thứ 6 ngày 5. 2. 2021 xin tham khảo tại mục ứng viên trúng tuyển trên trang thông báo.

Lưu ý

- Theo chỉ thị của Bộ giáo dục(2586-Cơ quan Quốc tế hóa giáo dục 19. 07. 2019), người ngoại quốc nhập học phải tham gia Bảo hiểm tư nhân và phí bảo hiểm học sinh phải tự đóng. Thắc mắc liên quan đến vấn đề tham gia Bảo hiểm sau khi nhập học xin liên hệ phòng Quan hệ Quốc tế.

Học phí

(đơn vị : won)

Ngành	Phí nhập học	Học phí	Học phí học kỳ đầu tiên (*Học bổng áp dụng cho người ngoại quốc: miễn phí nhập học, giảm 50% học phí)
Xã hội, nhân văn	287,400	3,217,300	Áp dụng miễn giảm dựa theo thành tích ngôn ngữ công nhận
Tự nhiên, năng khiếu	287,400	3,774,350	
Kỹ thuật, nghệ thuật	287,400	4,150,550	
Global	287,400	3,689,950	

※ Học phí được đề cập trên là của năm 2020. Học phí của năm 2021 ứng viên trúng từ tháng 2 năm 2021 có thể kiểm tra tại trang thông tin.

Học bổng

STT	Phân loại			
1	Sinh viên mới	Tiêu chuẩn chi cấp		số tiền chi trả
		Các khoa dựa theo bằng TOPIK	Chứng chỉ quốc gia TOPIK 3 hoặc chứng nhận hoàn thành lớp 3 hay TOPIK 3 do trường cấp	giảm 40% học phí
			Chứng chỉ quốc gia TOPIK 4	giảm 50% học phí
			Chứng chỉ quốc gia TOPIK 5	giảm 60% học phí
			Chứng chỉ quốc gia TOPIK 6	giảm 70% học phí
		Thương mại toàn cầu	Người chưa đạt TOEFL IBT 71 hoặc IELTS 5.5 trở lên	giảm 40% học phí
			Người đạt TOEFL IBT 71 hoặc IELTS 5.5 trở lên	giảm 50% học phí
2	Sinh viên đang theo học	Tiêu chuẩn chi cấp		số tiền chi trả
		Chứng chỉ quốc gia TOPIK 4 trở lên chuyên ngành thương mại toàn cầu TOEFL IBT 71 hoặc IELTS 5.5 trở lên	Điểm trung bình từ 2.50 ~ 3.50	giảm 30% học phí
			Điểm trung bình từ 3.50 ~ 4.00	giảm 50% học phí
			Điểm trung bình từ 4.00 ~ 4.50	giảm 80% học phí
			Điểm trung bình 4.50	giảm 100% học phí
		Chưa đạt chứng chỉ ngôn ngữ	Điểm trung bình từ 2.50 ~ 3.50	giảm 15% học phí
			Điểm trung bình từ 3.50 ~ 4.00	giảm 25% học phí
			Điểm trung bình từ 4.00 ~ 4.50	giảm 40% học phí
			Điểm trung bình 4.50	giảm 50% học phí

※ Chế độ học bổng có thể thay đổi

Giới hạn đăng ký môn học

Ứng viên đăng ký hệ chính quy(liên thông) có chứng chỉ năng lực tiếng Hàn dưới (TOPIK) cấp 3, số tín chỉ được phép đăng ký mỗi kỳ tối đa 17 tín chỉ đối với ngành Nhân văn, 18 tín chỉ đối với Khoa học kỹ thuật·Khoa học tự nhiên·Nghệ thuật thể thao(các điều lệ cụ thể trong việc thi hành nội quy nhà trường mục 3 điều 53).

Application Form (Đơn đăng ký)

LEGAL NAME (Họ tên) (As it appears on your passport)	(English) Given Name, Family Name	CHINESE CHARACTERS (tiếng Trung)(if any)	Ảnh PHOTO (3cm× 4cm)
NATIONALITY (Quốc tịch)		GENDER (Giới tính) ☐ MALE(Nam) ☐ FEMALE (Nữ)	
COUNTRY OF BIRTH (Nơi sinh)		DATE OF BIRTH (Ngày sinh) YEAR(Năm)/MONTH(tháng)/DAY(ngày)	
PASSPORT NO. (Số hộ chiếu)	ALIEN REGISTRATION ID NO. (Số thẻ đăng ký người nước ngoài)		

ADMISSION UNIT Khoa(ngành)	COLLEGE (Đại học)	DEPARTMENT(DIVISION) Khoa(ngành)	CODE		
HOUSING PLAN	☐ Ký túc xá		☐ Khác ()		

HOME ADDRESS (Địa chỉ người đăng ký)	- (POSTAL CODE (Mã số bưu điện))	TELEPHONE (Số điện thoại)	
		MOBILE (Số di động)	
		EMAIL	
EMERGENCY CONTACT (Số liên lạc khẩn cấp)		TELEPHONE (Số điện thoại)	
		MOBILE (Số di động)	

EDUCATIONAL BACKGROUND (Quá trình học tập)				
NAME (Tên trường)	DATES ATTENDED (Ngày nhập học)			
	From(YY/MM/DD) ~Từ (năm/tháng/ngày)	To(YY/MM/DD) ~Đến (năm/tháng/ngày)		
MIDDLE SCHOOL (Trường Trung học)				
HIGH SCHOOL (Trung học phổ thông)	- (POSTAL CODE)			
	TELEPHONE (Số điện thoại)	FAX(Số Fax)	EMAIL	

I certify that the information I have provided on this form is true and correct to the best of my knowledge, and I fully understand that any falsifying or concealing of material facts or using of false documents in the submission of this form may result in the cancellation of my admission and degree by Hannam University.

(Tôi cam đoan những điều tôi đã khai là chính xác và đúng với những gì tôi biết và tôi hiểu rằng nếu có bất cứ sai lệch, thiếu sót hay nhầm lẫn nào trong khi kê khai thì việc nhập học của tôi sẽ bị hủy việc đăng ký.)

Ngày: _____
 Tên: _____
 Chữ ký: _____

Personal Statement (Giới thiệu bản thân)

Please write a response of 100 to 200 words to each question listed below. If necessary, you may use the back of this form or attach an additional page.

(Hãy viết khoảng 100 đến 200 từ cho mỗi câu hỏi dưới đây.)

1. What are your study plans? (Kế hoạch học tập)

2. State your personal philosophy and life goals. (Mục tiêu tương lai và quan điểm sống)

Thư tán thành

Gửi đến trường:

Bức thư này để xác nhận rằng tôi đã theo học tại(^①).

Tôi đã đã nộp đơn đăng ký vào trường Đại học Hannam tại Daejeon, Hàn Quốc và tôi đồng ý nộp hồ sơ học tập của tôi đến trường khi có yêu cầu chính thức.

Liên quan đến việc này, tôi sẽ hợp tác tích cực với trường Đại học Hannam trong việc cung cấp thông tin với nhà trường để xác nhận sự ghi danh và bằng điểm.

■ Tên đăng ký tại trường: _____ ^②

■ Ngày sinh: (Năm/Tháng/Ngày) _____

■ Ngày nhập học(chuyển tiếp): (Năm/Tháng/Ngày) _____ ^③

■ Ngày tốt nghiệp(rút khỏi): (Năm/Tháng/Ngày) _____ ^④

Trân trọng,

Ngày: _____

Tên: _____

Chữ ký: _____

① Viết tên trường bạn tốt nghiệp gần đây nhất.

② Viết đầy đủ tên bạn bằng tiếng Anh ①

③ Viết chính xác ngày nhập học(chuyển tiếp) ①

④ Viết chính xác ngày tốt nghiệp(rút khỏi) ①

Xác nhận người dịch(Translator Confirmation)

Giấy xác nhận (Người dịch) Confirmation (Translator)

Thông tin người dịch (Translator Information)			
Quốc tịch(Nationality)	Họ Tên (Name)	Ngày sinh (Date of Birth. YY/MM/DD)	Giới tính (Sex)
Địa chỉ (Address)		Số liên lạc (Contact)	

Thông tin cá nhân người nắm giữ giấy tờ gốc (Original Document Author Information)			
Quốc tịch (Nationality)	Họ tên (Name)	Ngày sinh (Date of Birth. YY/MM/DD)	Giới tính (Sex)

Các giấy tờ đã dịch (Document Translated)	
--	--

Tôi cam đoan nội dung bản dịch hoàn toàn đúng với nội dung bản gốc và sẵn sàng chịu trách nhiệm pháp luật nếu phát hiện nội dung bản dịch có bất cứ sự sai lệch nào so với thực tế. (The attached document has been translated accurately and reflects the phrasing of the original. I accept full legal responsibility for any discrepancies between this translation and the actual content.)

20 . . .

Người dịch (Translator) :

Kính gửi Bộ Tư Pháp

<GPA Conversion Table> Bảng chuyển đổi điểm trung bình

4.0 scale	4.3 scale	4.5 scale	7.0 scale	Thang điểm 100
3.93~4.00	4.23~4.30	4.40~4.50	6.91~7.00	100
3.86~3.92	4.15~4.22	4.34~4.41	6.81~6.90	99
3.78~3.85	4.06~4.14	4.25~4.33	6.71~6.80	98
3.71~3.77	3.98~4.05	4.16~4.24	6.61~6.70	97
3.63~3.70	3.90~3.97	4.08~4.15	6.51~6.60	96
3.56~3.62	3.82~3.89	3.99~4.07	6.41~6.50	95
3.48~3.55	3.74~3.81	3.90~3.98	6.31~6.40	94
3.41~3.47	3.65~3.73	3.82~3.89	6.21~6.30	93
3.33~3.40	3.57~3.64	3.73~3.81	6.11~6.20	92
3.26~3.32	3.49~3.56	3.64~3.72	6.01~6.10	91
3.18~3.25	3.41~3.48	3.56~3.63	5.91~6.00	90
3.11~3.17	3.33~3.40	3.47~3.55	5.81~5.90	89
3.03~3.10	3.25~3.32	3.39~3.46	5.71~5.80	88
2.96~3.02	3.16~3.24	3.30~3.38	5.61~5.70	87
2.88~2.95	3.08~3.15	3.21~3.29	5.51~5.60	86
2.81~2.87	3.00~3.07	3.13~3.20	5.41~5.50	85
2.73~2.80	2.92~2.99	3.04~3.12	5.31~5.40	84
2.66~2.72	2.84~2.91	2.95~3.03	5.20~5.30	83
2.58~2.65	2.75~2.83	2.87~2.94	5.10~5.19	82
2.51~2.57	2.67~2.74	2.78~2.86	5.00~5.09	81
2.43~2.50	2.59~2.66	2.69~2.77	4.90~4.99	80
2.36~2.42	2.51~2.58	2.61~2.68	4.80~4.89	79
2.28~2.35	2.43~2.50	2.52~2.60	4.70~4.79	78
2.21~2.27	2.34~2.42	2.43~2.51	4.60~4.69	77
2.13~2.20	2.26~2.33	2.35~2.42	4.50~4.59	76
2.06~2.12	2.18~2.25	2.26~2.34	4.40~4.49	75
1.98~2.05	2.10~2.17	2.17~2.25	4.30~4.39	74
1.91~1.97	2.02~2.09	2.09~2.16	4.20~4.29	73
1.83~1.90	1.93~2.01	2.00~2.08	4.10~4.19	72
1.76~1.82	1.85~1.92	1.91~1.99	4.00~4.09	71
1.68~1.75	1.77~1.84	1.83~1.90	3.90~3.99	70
1.61~1.67	1.69~1.76	1.74~1.82	3.80~3.89	69
1.53~1.60	1.61~1.68	1.65~1.73	3.70~3.79	68
1.46~1.52	1.53~1.60	1.57~1.64	3.60~3.69	67
1.38~1.45	1.44~1.52	1.48~1.56	3.50~3.59	66
1.31~1.37	1.36~1.43	1.39~1.47	3.40~3.49	65
1.23~1.30	1.28~1.35	1.31~1.38	3.30~3.39	64
1.16~1.22	1.20~1.27	1.22~1.30	3.20~3.29	63
1.08~1.15	1.12~1.19	1.14~1.21	3.10~3.19	62
1.01~1.07	1.03~1.11	1.05~1.13	3.00~3.09	61
dưới 1.00	dưới 1.02	dưới 1.04	dưới 2.99	60

QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (Educational History)

Phân loại đăng ký (Type of Application)		Số đăng ký (Application No.)		Họ Tên (Name)	Tiếng Hàn(Korean)	Tiếng Anh(English)	Quốc tịch (Nationality)	
--	--	---------------------------------	--	------------------	-------------------	--------------------	----------------------------	--

■ Ghi chép thông tin trường (Cao đẳng, THPT, THCS, Tiểu học) (College, High School, Middle School, and Elementary School) * **Viết bằng tiếng Anh**

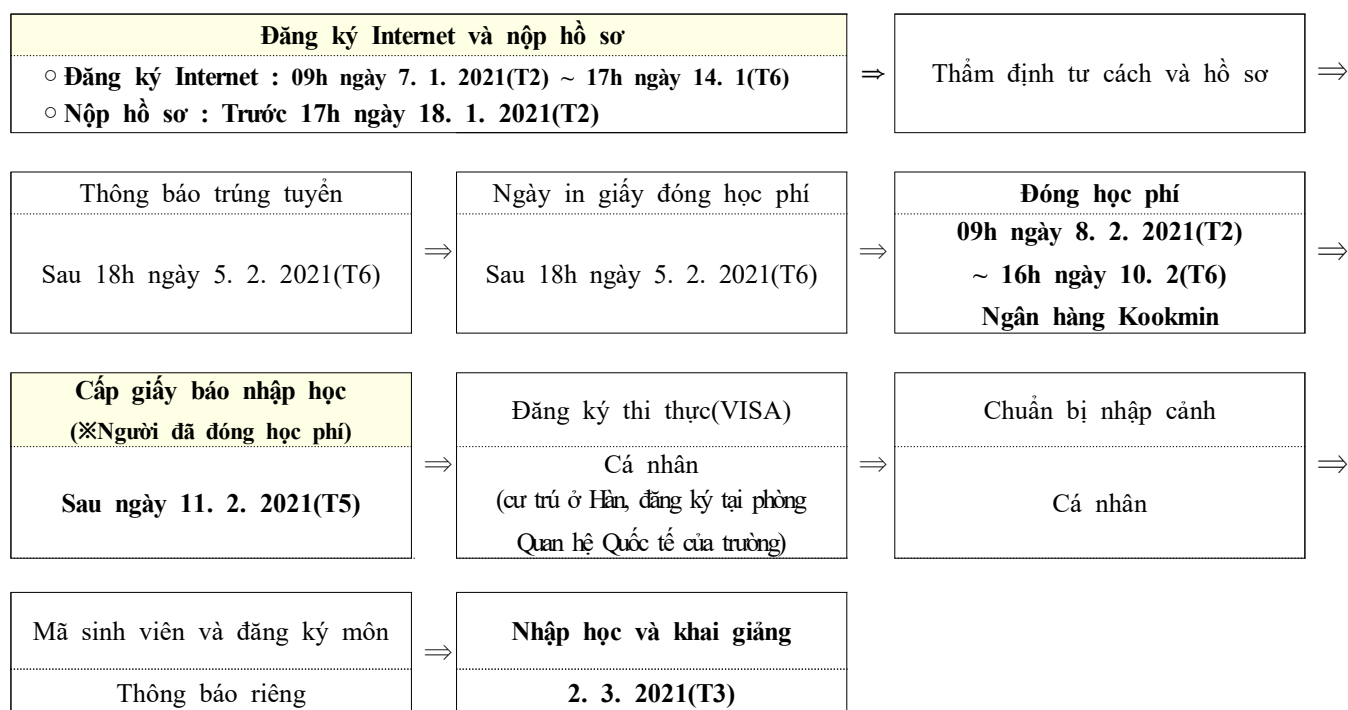
Tên trường (School Name)	Quốc gia (Country)	Địa chỉ (School address)	Điện thoại (School Phone number)	Trang web (School web-site)	Thời gian theo học (Dates Attended*)		Ban cấp giấy chứng nhận (Name of department issuing certificate)
					~Từ Năm/tháng (From~)YY/MM	~Đến Năm/tháng (To)YY/MM	

- ◇ Thời gian theo học phải được kê khai trong giấy chứng nhận(Dates attended should coincide with dates on proof of enrollment.)
- ◇ Không cần ghi thông tin về trường mẫu giáo(Do not include the periods of the kindergarten.).
- ◇ Trên 15 ngày ghi thành 1 tháng và dưới 15 ngày thì bỏ qua(You can round up the dates of attendance if they exceed 15 days. If less, round down.).

Tôi cam đoan những điều đã khai đều đúng sự thật và đồng ý nếu những điều đã không đúng sự thật, thiếu sót hay sai lệch thì việc nhập học hay cấp học vị sẽ bị hủy bỏ.
(By signing here, I certify that the information I have provided on this form is true and correct to the best of my knowledge, and I fully understand that any falsifying or concealing material facts or using of any false documents in the submission of this form may result in the cancellation of my admission to Hannam University)

Ngày đăng ký(Date of Application): _____ Chữ ký ngườiđăngký(Applicant's Signature): _____

Học kỳ 1 năm học 2021
THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẶC BIỆT
HỆ LIÊN THÔNG DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
[Người nước ngoài có bố mẹ là người nước ngoài, người hoàn thành 12 năm học ở nước ngoài]



※ Thời gian thông báo trúng tuyển, đóng học phí, cấp giấy báo nhập học có thể sớm hơn thông báo (nếu có thay đổi sẽ thông báo trên Website tuyển sinh của trường)

I . Số khoa và chỉ tiêu tuyển sinh

[Hạng mục 1]: Hệ liên thông năm 3

Đại học	Ngành	Khoa tuyển dụng		Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu tuyển
Đại học văn khoa	Nhân văn	Khoa Sáng tác·Văn học quốc ngữ		72	21
		Khoa Anh ngữ		110	33
		Khoa ngoại ngữ	Chuyên ngành Tiếng Nhật	36	10
			Chuyên ngành Tiếng Pháp	35	10
		Khoa thông tin văn hiến		36	10
		Khoa nhân văn	Chuyên ngành sử học	36	10
			Chuyên ngành tư vấn triết học	30	-
Khoa cơ đốc giáo		30	9		
Đại học kỹ thuật	Kỹ thuật	Khoa công nghệ máy tính		60	18
		Khoa kỹ thuật thông tin		60	18
		khoa điện- điện tử		55	16
		Khoa truyền thông đa phương tiện	Chuyên ngành kỹ thuật truyền thông	43	12
			Chuyên ngành hình ảnh truyền thông	43	12
		Khoa kiến trúc (5 năm)		33	9
		Khoa kiến trúc·xây dựng	Chuyên ngành kỹ thuật kiến trúc	34	10
			Chuyên ngành kỹ thuật môi trường xây dựng	54	16
		Khoa kỹ thuật quản lí công nghiệp		49	14
Khoa kỹ thuật cơ khí		60	18		
Đại học kinh tế	Xã hội	Khoa kinh doanh		126	37
		Khoa kế toán		89	26
		Khoa thương mại		60	18
		Khoa kinh tế	Chuyên ngành kinh tế học	70	21
			Chuyên ngànhthương mại kinh tế Trung Quốc	52	15
		Khoa thống kê kinh doanh		31	-
		Khoa quản lý khách sạn		50	15
Đại học luật	Xã hội	Khoa luật	Chuyên ngành luật	60	18
			Chuyên ngành luật tư pháp	38	11
		Khoa hành chính·cảnh sát	Chuyên ngành hành chính	74	22
			Chuyên ngành cảnh sát	34	10
		Khoa chính trị·ngôn luận·quốc phòng		38	11
		Khoa phúc lợi xã hội		37	11
Khoa phúc lợi trẻ em		38	11		
Đại học khoa học Nano·đời sống	Tự nhiên	Khoa khoa học hệ thống đời sống		77	23
		Khoa dinh dưỡng thực phẩm		46	13
		Khoa hoá học		57	17
		Khoa toán học		57	17
	Kỹ thuật	Khoa kỹ thuật vật liệu hoá học mới		100	30
Thể chất	Khoa thể dục sinh hoạt		50	15	
Linton Global Business School	Toàn cầu	Chuyên ngành kinh doanh toàn cầu		73	73
		Chuyên ngành kinh doanh IT toàn cầu		55	55
Khoa nghệ thuật tạo hình	Năng khiếu	Chuyên ngành thiết kế tổng hợp		95	28
		Chuyên ngành hội họa		35	10
		Chuyên ngành thiết kế quần áo		34	10
Tổng				2,352	763

■ Đối với chuyên ngành giáo dục(6 khoa), khoa y ta và chuyên ngành tự do không tiếp nhận đơn đăng ký.

[Hạng mục 2]: Hệ liên thông năm 4

✳️ Chỉ ứng viên theo học tại trường cao đẳng 3 năm có ký thỏa thuận với trường có thể đăng ký liên thông năm 4

Đại học	Ngành	Khoa tuyển dụng		Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu tuyển
Đại học văn khoa	Nhân văn	Khoa Sáng tác·Văn học quốc ngữ		72	21
		Khoa Anh ngữ		110	33
		Khoa ngoại ngữ	Chuyên ngành Tiếng Nhật	36	10
			Chuyên ngành Tiếng Pháp	35	10
		Khoa thông tin văn hiến		36	10
		Khoa nhân văn	Chuyên ngành sử học	36	10
			Chuyên ngành tư vấn triết học	30	-
Khoa cơ đốc giáo		30	9		
Đại học kỹ thuật	Kỹ thuật	Khoa công nghệ máy tính		165	49
		khoa điện tử		55	16
		Khoa truyền thông đa phương tiện	Chuyên ngành kỹ thuật truyền thông	43	12
			Chuyên ngành hình ảnh truyền thông	43	12
		Khoa kiến trúc (5 năm)		33	9
		Khoa kiến trúc·xây dựng	Chuyên ngành kỹ thuật kiến trúc	34	10
			Chuyên ngành kỹ thuật môi trường xây dựng	51	15
		Khoa kỹ thuật quản lí công nghiệp		51	15
		Khoa kỹ thuật cơ khí		60	18
Đại học kinh tế	Xã hội	Khoa kinh doanh		126	37
		Khoa kế toán		89	26
		Khoa thương mại		60	18
		Khoa kinh tế	Chuyên ngành kinh tế học	70	21
			Chuyên ngànhthương mại kinh tế Trung Quốc	52	15
		Khoa thống kê kinh doanh		31	-
		Khoa quản lý khách sạn		50	15
Đại học luật	Xã hội	Khoa luật	Chuyên ngành luật	63	18
			Chuyên ngành luật tư pháp	40	12
		Khoa hành chính·cảnh sát	Chuyên ngành hành chính	74	22
			Chuyên ngành cảnh sát	34	10
		Khoa chính trị·ngôn luận·quốc phòng		40	12
		Khoa phúc lợi xã hội		37	11
Khoa phúc lợi trẻ em		38	11		
Đại học khoa học Nano·đời sống	Tự nhiên	Khoa khoa học hệ thống đời sống		77	23
		Khoa dinh dưỡng thực phẩm		46	13
		Khoa hoá học		57	17
		Khoa toán học		57	17
	Kỹ thuật	Khoa kỹ thuật vật liệu hoá học mới		100	30
Thể chất	Khoa thể dục sinh hoạt		50	15	
Linton Global Business School	Toàn cầu	Chuyên ngành kinh doanh toàn cầu		73	73
		Chuyên ngành kinh doanh IT toàn cầu		55	55
Khoa nghệ thuật tạo hình	Năng khiếu	Chuyên ngành thiết kế tổng hợp		95	28
		Chuyên ngành hội họa		35	10
		Chuyên ngành thiết kế quần áo		34	10
Tổng				2,403	778

- Đối với chuyên ngành giáo dục(6 khoa), khoa y ta và chuyên ngành tự do không tiếp nhận đơn đăng ký.
- Ứng viên theo học tại trường không ký thỏa hiệp không tiếp nhận đăng ký liên thông năm 4.

II. Điều kiện đăng ký

Tư cách đăng ký

○ Người nước ngoài có bố mẹ đều là người nước ngoài

- Người nước ngoài đủ tư cách đăng ký hệ chính quy đáp ứng 1 trong 2 [điều kiện] sau

[Điều kiện 1] : Ứng viên đã hoàn thành ít nhất năm thứ 2 đại học hệ chính quy 4 năm và hoàn thành số tín chỉ theo quy định được toàn trường công nhận, hoặc ứng viên tốt nghiệp (dự kiến) cao đẳng chính quy từ 2 năm trở lên

[Điều kiện 2] : Ứng viên tốt nghiệp (dự kiến) từ một trường cao đẳng ba năm ở nước ngoài đã ký thỏa thuận với Đại học Hannam

○ Người hoàn thành chương trình 12 năm học ở nước ngoài

- Ứng viên đã hoàn thành toàn bộ chương trình giáo dục ở nước ngoài tương ứng tiểu học • trung học của Hàn Quốc, đã hoàn thành học trên 2 năm hoặc trên 4 học kỳ ở trường đại học có quy chế 4 năm và đạt số tín chỉ ít đủ theo quy định được nhà trường công nhận. (chỉ nhận trường hợp tốt nghiệp (dự kiến) tại trường cao đẳng, trung cấp)

Tư cách đăng ký / Tiêu chuẩn chứng nhận chương trình học

- Không công nhận đối với trường hợp năm học(học kỳ) bị trùng
- Không công nhận đối với trường hợp có chứng nhận học Cyber, Home schooling, kỳ thi kiểm định
- Chương trình giáo dục 12 năm (Tiểu • Trung học • Phổ thông) được chứng nhận theo tiêu chuẩn chương trình học Hàn Quốc
 - Công nhận đối với trường hợp học tại nước ngoài Tiểu học lớp 1~6, Trung học cơ sở lớp 7~9, Trung học phổ thông lớp 10~12(13) [Luật thi hành giáo dục Tiểu • Trung học điều 98(công nhận học lực đồng đẳng và người tốt nghiệp Trung học phổ thông) Điều 98 thi hành theo Luật giáo dục Tiểu • Trung học]
- Trường hợp tốt nghiệp Tiểu • Trung học tại 1 nước
 - Không phụ thuộc vào năm học, công nhận quá trình trung học phổ thông cuối trong 3 năm
- Trường hợp tốt nghiệp Tiểu • Trung học trên 2 nước

Năm học	Điều kiện công nhận và không công nhận	Ghi chú
Dưới 10 năm	Không công nhận	Chỉ công nhận số thời gian học tại đại học thay cho số thời gian thiếu trong thời gian (quá trình) học tập bằng thời gian học THPT dựa theo năm học
11 năm	Công nhận 3 năm cuối cùng của chương trình Trung học phổ thông với trường hợp hoàn thành Tiểu • Trung học tại nước nhà (Chỉ với trường hợp phải hoàn thành chương trình giáo dục Tiểu • Trung học trên 11 năm tại 2 nước)	
12 năm học	Công nhận chương trình Trung học phổ thông với trường hợp hoàn thành ở nước sở tại 10-12 năm hoặc 11-13 năm	

- Chỉ những trường hợp ngoại lệ sau được công nhận
 - Trường hợp thiếu 1 học kỳ (6 tháng) trong tổng số thời gian học do bất buộc vì sự khác nhau ở các nước người hoàn thành chương trình giáo dục Tiểu • Trung học • Phổ thông trên 12 năm tại 2 nước khác nhau, trong quá trình Trước • Chuyển đổi quá trình trên 2 nước
 - Trường hợp thiếu do tốt nghiệp sớm hoặc học vượt lớp trong quá trình 12 năm Tiểu • Trung học • Phổ thông được chấp thuận chế độ tốt nghiệp sớm hoặc vượt lớp theo pháp lệnh quan hệ giáo dục của nước sở tại (không công nhận vượt lớp trong thời kỳ Trước • Liên thông)
- Người đăng ký đủ điều kiện nộp đơn dựa trên việc xem xét học kỳ và năm học ở nước sở tại
- Với trường hợp khác thì 'Hội đồng tuyển sinh sinh viên ngoại quốc' sẽ phán đoán
- Theo 「Luật quốc tế Điều 11-2 (Tình trạng pháp lý của người mang 2 quốc tịch)」, người có 2 quốc tịch sẽ được xem là người Hàn Quốc, không được công nhận là người thuần ngoại quốc

III. Phương pháp tuyển chọn

Phương pháp đánh giá và yếu tố tuyển chọn

Loại hình	Tỷ lệ đánh giá yếu tố tuyển chọn	Ghi chú
Là người ngoại quốc có bố mẹ đều là người ngoại quốc (người thuần ngoại quốc)	Lựa chọn hồ sơ 100%	· Trường hợp người đăng ký ngành Global Business chưa đạt điểm chứng nhận ngôn ngữ thông qua phỏng vấn đánh giá năng lực tiếng Anh
Người hoàn thành quá trình giáo dục 12 năm tại nước ngoài		

- Nguyên tắc xử lý ứng viên đồng điểm
 - Thứ tự 1 : Điểm toàn phần của trường cuối cùng - Thứ tự 2 : Điểm của học kỳ cuối của trường cuối cùng
- Phải nộp toàn bộ hồ sơ ghi trong Thông tin tuyển sinh và phải xác nhận việc hồ sơ đã được tiếp nhận chưa.
- Nếu không nộp đủ các hồ sơ còn thiếu theo thời gian quy định, sẽ xử lý không đạt yêu cầu.
- Khi cần đánh giá Hội đồng tuyển sinh người ngoại quốc của trường có thể tiến hành đánh giá năng lực toán học.

IV. Lịch trình tuyển chọn

Phân loại	Thời gian	Ghi chú
Đăng ký trên Internet và nộp hồ sơ	· Đăng ký Internet : 09h ngày 7. 1. 2021(T2) ~ 17h ngày 14. 1(T6) · Nộp hồ sơ : đến 17h ngày 18.1.2021(T2)	· Chi đăng ký trên Internet (không nhận đăng ký tại văn phòng) - Trang nhập học trường đại học Hannam(http://ibsi.hnu.kr) · Nộp hồ sơ : Tại phòng tuyển sinh (có thể gửi qua bưu điện)
Thông báo trúng tuyển	Sau 18h ngày 5. 2. 2021(T6)	· Thông báo trên trang nhập học của trường(http://ibsi.hnu.kr)
In giấy đóng học phí	Sau 18h ngày 5. 2. 2021(T6)	· Xác nhận trên trang nhập học của trường(http://ibsi.hnu.kr)
Đóng học phí	09h ngày 08. 2. 2021(T2) ~ 16h ngày 10. 2(T4)	· Tất cả chi nhánh ngân hàng Kookmin KB
Cấp giấy báo nhập học	Sau ngày 11. 2. 2021(T5)	· Du học sinh cần cấp Visa du học (Sẽ ban cấp sau khi xác nhận việc đóng học phí)

※ Thời gian thông báo trúng tuyển, đóng học phí, cấp giấy báo nhập học có thể sớm hơn thông báo (nếu có thay đổi sẽ thông báo trên Website tuyển sinh của trường)

V-1. Hồ sơ

(Trường hợp ứng viên là người Trung Quốc)

STT	Danh mục hồ sơ		
1	Đơn xin nhập học hệ chuyển tiếp và bản giới thiệu bản thân (điền trực tiếp khi đăng kí online)		
2	Thư tán thành (theo mẫu của nhà trường)		
3	Quá trình học tập (theo mẫu của nhà trường)		
4-1	Bản gốc bằng tốt nghiệp cấp 3	① Trường hợp giấy tờ không bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh thì phải nộp bản dịch có công chứng bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh. Nếu nộp Giấy xác nhận người dịch thì không cần công chứng. (Bản mẫu trong Thông tin tuyển sinh) ② <u>Bằng tốt nghiệp đại học(dự kiến) và bằng điểm đại học phải kèm thêm một trong các xác nhận sau</u> - <u>Xác nhận lãnh sự của Đại sứ quán Hàn Quốc tại Trung Quốc</u> - <u>Xác nhận (Apostille) của cơ quan chính phủ tại Trung Quốc</u> - <u>Xác nhận lãnh sự của Đại sứ quán Trung Quốc tại Hàn Quốc</u> ③ Ứng viên nộp bản gốc Chứng nhận học lực có thể nộp bản sao bằng tốt nghiệp và học bạ. ④ Khi cần xác nhận học lực của ứng viên có thể yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ cấp 1 và cấp 2 (bằng tốt nghiệp, học bạ) - Với trường hợp được nhận yêu cầu từ Phòng tuyển sinh của trường	
4-2	Bản gốc học bạ cấp 3		
5-1	* Người tốt nghiệp(dự kiến) trung cấp, cao đẳng - Bản gốc bằng tốt nghiệp(dự kiến) * Người hoàn thành trên 2 năm đại học hệ 4 năm - Bản gốc chứng chỉ hoàn thành trên 2 năm		
5-2	Bản gốc bằng điểm (trung cấp, cao đẳng) đại học - Bao gồm điểm của toàn bộ năm học		
6	Bản gốc giấy chứng thực xuất nhập cảnh (trường hợp chưa nhập cảnh đến Hàn không cần nộp)		
7	Bản sao hộ chiếu		
8	Bản sao chứng minh Hàn Quốc (trường hợp đang sinh sống tại Hàn Quốc)		
9	Bản gốc chứng chỉ ngoại ngữ [nộp chứng chỉ ngoại ngữ tương ứng với (chuyên ngành) khoa dưới đây]		
	Phân loại	Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ	
	Chuyên ngành Kinh doanh toàn cầu Đối với ứng viên sinh ra tại nước không sử dụng tiếng Anh	Chosen 1 · TOEIC 850 · TOEFL CBT 213 · TOEFL iBT 80 · IELTS 6.0 · TEPS 700	Trường hợp không có chứng chỉ ngoại ngữ có thể được thay thế bằng hình thức phỏng vấn (phỏng vấn trực tiếp hoặc qua Internet)
	Khoa (chuyên ngành) khác ngoài chuyên ngành Kinh doanh toàn cầu	Chosen 1 · Chứng chỉ năng lực tiếng Hàn (TOPIK) cấp 3 trở lên do cơ quan Viện giáo dục quốc tế cấp · Chứng chỉ năng lực tiếng Hàn (TOPIK) cấp 3 do Viện Hàn Ngữ trường Hannam cấp · Tốt nghiệp khóa học tiếng Hàn lớp 3 trở lên ở Viện Hàn Ngữ trường Hannam (chỉ ứng viên đang theo học trên 3 năm tại các trường THCS·THPT ở Hàn Quốc (ngoại trừ trường người ngoại quốc, trường quốc tế) thì phải nộp Sổ ghi nhận sinh hoạt của trường Tiểu·Trung học thay cho chứng chỉ (TOPIK))	
10	Giấy chứng nhận do chính phủ Trung Quốc cấp tương ứng với sổ hộ khẩu tại Hàn Quốc - Bản sao sổ hộ khẩu (có tên toàn bộ gia đình), Bản sao giấy chứng minh thứ (bao gồm bố mẹ) ※Trường hợp sống riêng, phải nộp giấy xác nhận quan hệ gia đình(giấy xác nhận thân nhân)		
■ Trường hợp trúng tuyển, sau khi đóng học phí trong quá trình cấp thị thực Visa nộp bản gốc giấy xác nhận số dư ngân hàng cấp sau tháng 2. 2021 (đúng tên bản thân hoặc tên bố mẹ; trên USD 18.000)			

V-2. Hồ sơ

(Trường hợp ứng viên không phải là người Trung Quốc)

STT	Danh mục hồ sơ								
1	Đơn xin nhập học hệ chuyển tiếp và bản giới thiệu bản thân (điền trực tiếp khi đăng kí online)								
2	Thư tán thành (theo mẫu của nhà trường)								
3	Quá trình học tập (theo mẫu của nhà trường)								
4-1	Bản gốc bằng tốt nghiệp cấp 3	① Trường hợp giấy tờ không bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh thì phải nộp bản dịch có công chứng bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh. Nếu nộp Giấy xác nhận người dịch thì không cần công chứng. (Bản mẫu trong Thông tin tuyển sinh) ② <u>Bằng tốt nghiệp đại học(dự kiến) và bảng điểm đại học phải kèm thêm một trong các xác nhận sau</u> - <u>Xác nhận lãnh sự của Đại sứ quán Hàn Quốc</u> tại Việt Nam - <u>Xác nhận (Apostille)</u> của cơ quan chính phủ tại Việt Nam - <u>Xác nhận lãnh sự của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc</u> (Trường hợp Bộ Giáo dục Hàn Quốc công nhận là trường đại học trong nước và trường Hàn Quốc ở nước ngoài thì không cần nộp xác nhận) ③ Khi cần xác nhận học lực của ứng viên có thể yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ cấp 1 và cấp 2 (bằng tốt nghiệp, học bạ) - Với trường hợp được nhận yêu cầu từ Phòng tuyển sinh của trường							
4-2	Bản gốc học bạ cấp 3								
5-1	* Người tốt nghiệp(dự kiến) trung cấp, cao đẳng - Bản gốc bằng tốt nghiệp(dự kiến) * Người hoàn thành trên 2 năm đại học hệ 4 năm - Bản gốc chứng chỉ hoàn thành trên 2 năm								
5-2	Bản gốc bảng điểm (trung cấp, cao đẳng) đại học - Bao gồm điểm của toàn bộ năm học								
6	Bản gốc giấy chứng thực xuất nhập cảnh (trường hợp chưa nhập cảnh đến Hàn không cần nộp)								
7	Bản sao hộ chiếu								
8	Bản sao chứng minh Hàn Quốc (trường hợp đang sinh sống tại Hàn Quốc)								
9	Bản gốc chứng chỉ ngoại ngữ [nộp chứng chỉ ngoại ngữ tương ứng với (chuyên ngành) khoa dưới đây]								
	<table><tr><th>Phân loại</th><th colspan="2">Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ</th></tr><tr><td rowspan="2">Chuyên ngành Kinh doanh toàn cầu Đối với ứng viên sinh ra tại nước không sử dụng tiếng Anh</td><td rowspan="2"> · TOEIC 850 · TOEFL CBT 213 · TOEFL iBT 80 · IELTS 6.0 · TEPS 700 Chọn 1 </td><td rowspan="2">Trường hợp không có chứng chỉ ngoại ngữ có thể được thay thế bằng hình thức phỏng vấn (phỏng vấn trực tiếp hoặc qua Internet)</td></tr><tr></tr></table>	Phân loại	Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ		Chuyên ngành Kinh doanh toàn cầu Đối với ứng viên sinh ra tại nước không sử dụng tiếng Anh	· TOEIC 850 · TOEFL CBT 213 · TOEFL iBT 80 · IELTS 6.0 · TEPS 700 Chọn 1	Trường hợp không có chứng chỉ ngoại ngữ có thể được thay thế bằng hình thức phỏng vấn (phỏng vấn trực tiếp hoặc qua Internet)		
	Phân loại	Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ							
	Chuyên ngành Kinh doanh toàn cầu Đối với ứng viên sinh ra tại nước không sử dụng tiếng Anh	· TOEIC 850 · TOEFL CBT 213 · TOEFL iBT 80 · IELTS 6.0 · TEPS 700 Chọn 1	Trường hợp không có chứng chỉ ngoại ngữ có thể được thay thế bằng hình thức phỏng vấn (phỏng vấn trực tiếp hoặc qua Internet)						
Khoa (chuyên ngành) khác ngoài chuyên ngành Kinh doanh toàn cầu	· Chứng chỉ năng lực tiếng Hàn (TOPIK) cấp 3 trở lên do cơ quan Viện giáo dục quốc tế cấp · Chứng chỉ năng lực tiếng Hàn (TOPIK) cấp 3 do Viện Hàn Ngữ trường Hannam cấp · Tốt nghiệp khóa học tiếng Hàn lớp 3 trở lên ở Viện Hàn Ngữ trường Hannam	Chọn 1							
	(Chỉ ứng viên đang theo học trên 3 năm tại các trường THCS·THPT ở Hàn Quốc (ngoại trừ trường người ngoại quốc, trường quốc tế) thì phải nộp Sổ ghi nhận sinh hoạt của trường Tiểu·Trung học thay cho chứng chỉ (TOPIK))								
10	Bản gốc giấy chứng nhận được cơ quan chính phủ nước ngoài ban hành tương đương sổ hộ khẩu của Hàn Quốc -Bản gốc giấy khai sinh (hoặc sổ hộ khẩu)	Trường hợp giấy tờ không bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh thì phải nộp bản dịch có công chứng bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh. Nếu nộp Giấy xác nhận người dịch thì không cần công chứng. (Bản mẫu trong Thông tin tuyển sinh)							
☐ Trường hợp trúng tuyển, sau khi đóng học phí trong quá trình cấp thị thực Visa nộp bản gốc giấy xác nhận số dư ngân hàng cấp sau tháng 2. 2021 (đúng tên bản thân hoặc tên bố mẹ; trên USD 18.000)									

VI. Những hạng mục liên quan khi nộp hồ sơ

- Ngoài những hồ sơ bên trên, có thể yêu cầu nộp thêm các hồ sơ liên quan đến xác nhận bằng cấp.
- Trường hợp đạt học vấn cuối cùng tại Trung Quốc, ‘giấy chứng nhận học lực’ có thể đăng kí tại trang <http://www.cdgd.edu.cn/> <https://www.chsi.com.cn/>.
- Học bạ nhất định phải bao gồm tín chỉ hoàn thành môn (Credit) và bao gồm hồ sơ công chứng.
- Đối với các sinh viên đăng ký thuộc trường có ký kết hợp tác hai chuyên ngành với trường Hannam, nếu đáp ứng được yêu cầu bên dưới thì có thể nộp các giấy tờ bằng bản photo (scan).
- Giấy tờ hồ sơ có “Dấu thay thế bản gốc” của người phụ trách bộ phận liên quan của trường kết nghĩa (Chỉ, giấy chứng nhận “Dấu thay thế bản gốc” của người phụ trách, chữ ký, phải bao gồm dấu, cơ quan trực thuộc trong con dấu xác thực của người phụ trách, nếu các thủ tục không thể xác nhận thì việc nhập học sẽ bị hủy).
- Với các giấy chứng nhận tốt nghiệp trường ngoại quốc, học bạ thì phải ghi rõ số điện thoại liên lạc, số fax, địa chỉ tiếng Anh của trường.
- Ứng viên nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp được cấp ở trường cấp 3 tại nước ngoài (hoặc đại học) đến cuối tháng 2 năm 2021 (bao gồm xác nhận lãnh sự và Apostille) phải nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp cho phòng tuyển sinh trường Hannam.
- Nộp hồ sơ: (34430) Phòng tuyển sinh trường Đại học Hannam, 70 Hannamro (Ojeong-dong), quận Daedeok, thành phố Daejeon.
- Thắc mắc: Phòng tuyển sinh trường Đại học Hannam(☎ 042/629-8282, Fax 042/629-7838, <http://ibsi.hnu.kr>)

· Tình trạng ký kết hiệp định Apostille: theo chuẩn 23. 6. 2021 (Nguồn : Bộ ngoại giao, <http://www.0404.go.kr>)

Khu vực	Quốc gia/Khu vực
Châu Á, Châu Đại Dương	Úc, một phần của Trung Quốc (Macao, HongKong), Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand, Brunei, Mông Cổ, Quần Đảo Cook, Fiji, Ấn Độ, Quần đảo Marshall, Mauritius, Vanuatu, Samoa, Tonga, Niue, Tajikistan, Philipin
Châu Âu	Albania, Austria, Belarus, Belgium, Bosnia-Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Cộng hòa Síp, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Georgia, Đức, Malta, Hy Lạp, Hungary, Iceland, Ireland, Ý, Latvia, Litva, Luxembourg, Monaco, Montenegro, Holland, Norway, Ba Lan, Portugal, Nga, Rumania, Serbia, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Kyrgyzstan, Macedonia, Ukraine, Anh, Andorra, Armenia, Azerbaijan, Moldova, Liechtenstein, San Marino, Kazakhstan, Uzbekistan, Kosovo
Bắc Mỹ	Mỹ
Trung Nam Mỹ	Argentina, Mexico, Panama, Suriname, Venezuela, Antigua và Barbuda, Bahamas, Barbados, Belize, Colombia, Dominica, Cộng hòa Dominicana, Ecuador, El Salvador, Granada, Honduras, Saint Vincent và Grenadines, Peru, Trinidad và Tobago, Saint Lucia, Saint Kitts và Nevis, Costa Rica, Uruguay, Nicaragua, Paraguay, Brazil,Chille, Guatemala, Bolivia, Guyana
Châu Phi	Nam Phi, Botswana, Burundi, Lesotho, Liberia, Namibia, Sao Tome và Principe, Swaziland, Malawi, Cape Verde, Seychelles
Trung Đông	Oman, Israel, Bahrain, Morocco, Tunisie

· Trường học Hàn Quốc tại nước ngoài: Theo 30. 9. 2019 (Nguồn : Bộ ngoại giao, <http://www.moe.go.kr>)

Quốc gia/Khu vực	Tên trường
Nhật Bản	Trường Hàn Quốc DongKyeong, Trường Quốc tế Kyoto, Trường Osaka Gumkang, Trường Hàn Quốc Konkook
Trung Quốc	Trường Quốc tế Hàn Quốc Bukgyeong, Trường Hàn Quốc Sanghae, Trường Hàn Quốc Yeonbyeon, Trường Quốc tế Hàn Quốc Chonjin, Trường Hàn Quốc MuSeok, Trường Quốc tế Hàn Quốc Hong Kong, Trường Hàn Quốc YeonDae, Trường Quốc tế Hàn Quốc DaeRyeon, Trường Quốc tế Hàn Quốc Sonyang, Trường Hàn Quốc ChingtaoCheongun, Trường Hàn Quốc Soju, Trường Hàn Quốc KwangJeou, trường Hàn Quốc Wei Hai
Đài Loan	Trường Hàn Quốc TaiPei, Trường quốc tế Hàn Quốc Kaosyong
Việt Nam	Trường Quốc tế Hàn Quốc Hồ Chí Minh, Trường Quốc tế Hàn Quốc Hà Nội
Philippine	Trường Quốc tế Hàn Quốc Philippin
Thái Lan	Trường Quốc tế Hàn Quốc Bangkok
Indonesia	Trường Quốc tế Hàn Quốc Jakaruta
Singapore	Trường Quốc tế Hàn Quốc Singapore
Saudi Arabia	Trường Hàn Quốc Jetta, Trường Hàn Quốc Riyadh
Iran	Trường Hàn Quốc Taehaeran
Ả Rập	Trường Hàn Quốc Kairo
Paraquay	Trường Hàn Quốc Paraquay
Argentine	Trường Hàn Quốc Argentine
Malaysia	Trường Quốc tế Hàn Quốc Malaysia
Nga	Trường Hàn Quốc Mosscow
Campuchia	Trường Hàn Quốc Phnom Penh

VII. Những điều ứng viên cần chú ý

Điều khoản liên quan đến đăng ký

- Ứng viên đỗ nhiều trường nhất định chọn một trường để đóng học phí, trường hợp đóng học phí đồng thời nhiều trường sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển của tất cả các trường.
- Ứng viên trúng tuyển phải nộp học phí theo ngân hàng nhà trường đã chỉ định trong thời gian quy định, nếu quá thời gian quy định mà ứng viên chưa nộp học phí coi như ứng viên từ bỏ quyền nhập học.

Điều khoản liên quan đến hồ sơ

- Hồ sơ nộp phải được bản thân nộp theo thời gian quy định, tuy nhiên bắt buộc dĩ phải nhờ người khác đến nộp thay (bố mẹ, người thân hoặc người quen) thì người đến nộp cần phải nắm rõ học lực, địa chỉ tạm trú • thời gian lưu trú • tình trạng theo học tại nước ngoài của thí sinh để có thể trả lời được các câu hỏi của người tiếp nhận hồ sơ.
- Nếu tên ghi trong hồ sơ không đúng thì cần phải nộp thêm giấy tờ chứng thực đồng nhất một người được pháp luật nước sở tại chứng nhận.
- Nếu hồ sơ không được ghi bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh thì phải được nộp kèm với bản dịch công chứng sang tiếng Hàn hoặc tiếng Anh và gửi kèm bản gốc.
- Ngoài hồ sơ cần nộp có thể yêu cầu bổ sung các hồ sơ khác cần để xác nhận tư cách.
- Mọi giấy tờ phải nộp bản gốc, trường hợp bắt buộc dĩ nộp bản photo thì bản gốc cần phải được đóng “dấu chứng nhận thay thế bản gốc” của cơ quan cung cấp hoặc nơi tiếp nhận hồ sơ.
- Trường hợp kê khai không đúng sự thật thì việc trúng tuyển và nhập học sẽ bị hủy bỏ.
- Trong thời gian tuyển chọn để tiện cho việc liên lạc thì ứng viên phải ghi rõ số điện thoại, địa chỉ, trường hợp thay đổi số liên lạc phải nhanh chóng báo cho Phòng tuyển sinh. Nếu số liên lạc không rõ ràng thì ứng viên sẽ gặp bất lợi và phải chịu trách nhiệm.
- Ứng viên nộp chứng nhận tốt nghiệp tạm thời cấp tại trường trung cấp và ứng viên nộp chứng nhận tốt nghiệp tạm thời 2 năm của đại học 4 năm cuối tháng 2 năm 2021 (bao gồm xác nhận lãnh sự và Apostille) phải nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp cho phòng tuyển sinh. Trường hợp không nộp theo thời gian quy định sẽ bị hủy việc nhập học và không hoàn lại học phí (bao gồm phí nhập học).
- Hồ sơ đã nộp không thể rút lại hoặc thay đổi.

Điều khoản liên quan đến tuyển sinh

- Việc thông báo trúng tuyển sẽ không thông báo riêng nên ứng viên phải tự vào trang chủ của trường (<http://ibsi.hnu.kr>) phần hướng dẫn nhập học để xác nhận.
- Nếu không tuân thủ được trình tự và thời gian theo quy định và hồ sơ có thiếu sót thì sẽ bị xử lý không trúng tuyển.
- Trường hợp không tích cực hợp tác trong việc thẩm định học lực sẽ bị xem như học lực có vấn đề và dù đã nhập học rồi cũng có thể bị hủy bỏ.
- Điểm số và đánh giá tuyển sinh sẽ không được công khai.
- Sau khi trúng tuyển nhưng bị cơ quan liên quan từ chối cấp giấy xác nhận hoặc không được cấp Visa nên không thể nhập cảnh thì việc trúng tuyển sẽ bị hủy bỏ.
- Thông tin liên quan đến việc tuyển sinh như trình tự tuyển sinh sẽ được Phòng tuyển sinh của trường xử lý.
- Lệ phí tuyển sinh :

85,000won (bao gồm lệ phí đăng ký hồ sơ 5,000won)

Điều khoản liên quan đến đóng học phí

Ứng viên trúng tuyển phải in giấy thông báo trúng tuyển và giấy đóng học phí để đóng học phí trong thời gian quy định. thông tin chi tiết liên quan đến học phí xin tham khảo sau 18h ngày 5. 2 .2021 “Lưu ý dành cho ứng viên trúng tuyển” trên internet.

Lưu ý

· Theo chỉ thị của Bộ giáo dục(2586-Cơ quan Quốc tế hóa giáo dục 19.07.2019), người ngoại quốc nhập học phải tham gia Bảo hiểm dân sự và phí bảo hiểm học sinh phải tự chi trả. Thắc mắc liên quan đến vấn đề tham gia Bảo hiểm sau khi nhập học xin liên hệ phòng Quan hệ Quốc tế.

Học phí

(đơn vị : won)

Ngành	Phí nhập học	Học phí	Học phí học kỳ đầu tiên (*Học bổng áp dụng cho người ngoại quốc: miễn phí nhập học, giảm 50% học phí)
Xã hội, nhân văn	287,400	3,217,300	Áp dụng miễn giảm dựa theo thành tích ngôn ngữ công nhận
Tự nhiên, năng khiếu	287,400	3,774,350	
Kỹ thuật, nghệ thuật	287,400	4,150,550	
Global	287,400	3,689,950	

※ Học phí được đề cập trên là của năm 2020. Học phí của năm 2021 ứng viên trúng từ tháng 2 năm 2021 có thể kiểm tra tại trang thông tin.

Học bổng

STT	Phân loại			
1	Sinh viên mới	Tiêu chuẩn chi cấp		số tiền chi trả
		Các khoa dựa theo bằng TOPIK	Chứng chỉ quốc gia TOPIK 3 hoặc chứng nhận hoàn thành lớp 3 hay TOPIK 3 do trường cấp	giảm 40% học phí
			Chứng chỉ quốc gia TOPIK 4	giảm 50% học phí
			Chứng chỉ quốc gia TOPIK 5	giảm 60% học phí
			Chứng chỉ quốc gia TOPIK 6	giảm 70% học phí
		Thương mại toàn cầu	Người chưa đạt TOEFL IBT 71 hoặc IELTS 5.5 trở lên	giảm 40% học phí
			Người đạt TOEFL IBT 71 hoặc IELTS 5.5 trở lên	giảm 50% học phí
2	Sinh viên đang theo học	Tiêu chuẩn chi cấp		số tiền chi trả
		Chứng chỉ quốc gia TOPIK 4 trở lên chuyên ngành thương mại toàn cầu TOEFL IBT 71 hoặc IELTS 5.5 trở lên	Điểm trung bình từ 2.50 ~ 3.50	giảm 30% học phí
			Điểm trung bình từ 3.50 ~ 4.00	giảm 50% học phí
			Điểm trung bình từ 4.00 ~ 4.50	giảm 80% học phí
			Điểm trung bình 4.50	giảm 100% học phí
		Chưa đạt chứng chỉ ngôn ngữ	Điểm trung bình từ 2.50 ~ 3.50	giảm 15% học phí
			Điểm trung bình từ 3.50 ~ 4.00	giảm 25% học phí
			Điểm trung bình từ 4.00 ~ 4.50	giảm 40% học phí
			Điểm trung bình 4.50	giảm 50% học phí

※ Chế độ học bổng có thể thay đổi

Giới hạn đăng ký môn học

Ứng viên đăng ký hệ chính quy(liên thông) có chứng chỉ năng lực tiếng Hàn dưới (TOPIK) cấp 3, số tín chỉ được phép đăng ký mỗi kỳ tối đa 17 tín chỉ đối với ngành Nhân văn, 18 tín chỉ đối với Khoa học kỹ thuật·Khoa học tự nhiên·Nghệ thuật thể thao(các điều lệ cụ thể trong việc thi hành nội quy nhà trường mục 3 điều 53).

Đơn đăng ký hệ liên thông dành cho người nước ngoài kỳ 1 năm 2021

(Application Form for International Students)

Khoa(ngành) (Dept. to Apply)	Đại học (College)			Khoa(ngành)(Dept.)	Mã (Code)		
Họ tên (Name)	(Tiếng Anh/English) Given Name, Family Name		(Tiếng Trung/Chinese Characters, if any)		Ảnh (Photo) (3cm× 4cm)		
Quốc tịch (Nationality)		Giới tính (Gender)	☐ Nam(M) ☐ Nữ(F)				
Nơi sinh (Country of Birth)		Ngày sinh (Date of Birth)	năm/ tháng/ ngày(Y/M/D)				
Số hộ chiếu (Passport No.)							
Chứng minh thư người ngoại quốc (Alien Registration ID)							
Địa chỉ người đăng ký (Home Address)	- (Mã bưu điện/Postal Code)			Điện thoại (Phone)			
				Di động (Mobile)			
				Email			
Số liên lạc khẩn cấp (Emergency Contact)			Điện thoại (Phone)				
			Di động (Mobile)				
Quá trình học tập (Education)							
Tên trường (Name of School)			Thời gian học (Dates Attended)		Học vị (Degree)		
			~Từ(From~) (년/월/일)(Y/M/D)	~Đến(To~) (년/월/일)(Y/M/D)			
THCS (Middle School)							
THPT (High School)							
Đại học (College)	- (Mã bưu điện/Postal Code)						
		Điện thoại (Phone)	Fax (FAX)	Địa chỉ Email (Email Address)			
Tôi cam đoan những điều tôi đã khai là chính xác và đúng với những gì tôi biết và tôi hiểu rằng nếu có bất cứ sai lệch, thiếu sót hay nhầm lẫn nào trong khi kê khai thì việc nhập học của tôi sẽ bị hủy bỏ. (I certify that the information I have provided on this form is true and correct, and I fully understand that any falsifying or concealing material facts or false documents in the submission of this form may result in the cancellation of my admission or degree by Hannam University.) Ngày(Date): _____ Tên(Name in Full): _____ Chữ ký(Signature) : _____							

Personal Statement (Giới thiệu bản thân)

Please write a response of 100 to 200 words to each question listed below. If necessary, you may use the back of this form or attach an additional page.

(Hãy viết khoảng 100 đến 200 từ cho mỗi câu hỏi dưới đây.)

1. What are your study plans? (Kế hoạch học tập)

2. State your personal philosophy and life goals. (Mục tiêu tương lai và quan điểm sống)

Thư tán thành

Gửi đến trường:

Bức thư này để xác nhận rằng tôi đã theo học tại(^①).

Tôi đã nộp đơn đăng ký vào trường Đại học Hannam tại Daejeon, Hàn Quốc và tôi đồng ý nộp hồ sơ học tập của tôi đến trường khi có yêu cầu chính thức.

Liên quan đến việc này, tôi sẽ hợp tác tích cực với trường Đại học Hannam trong việc cung cấp thông tin với nhà trường để xác nhận sự ghi danh và bằng điểm.

■ Tên đăng ký tại trường: _____ ^②

■ Ngày sinh: (Năm/Tháng/Ngày) _____

■ Ngày nhập học(chuyển tiếp): (Năm/Tháng/Ngày) _____ ^③

■ Ngày tốt nghiệp(rút khỏi): (Năm/Tháng/Ngày) _____ ^④

Trân trọng,

Ngày: _____

Tên: _____

Chữ ký: _____

① Viết tên trường bạn tốt nghiệp gần đây nhất.

② Viết đầy đủ tên bạn bằng tiếng Anh ①

③ Viết chính xác ngày nhập học(chuyển tiếp) ①

④ Viết chính xác ngày tốt nghiệp(rút khỏi) ①

Xác nhận người dịch(Translator Confirmation)

Giấy xác nhận (Người dịch)

Confirmation (Translator)

Thông tin người dịch (Translator Information)			
Quốc tịch(Nationality)	Họ Tên (Name)	Ngày sinh (Date of Birth. YY/MM/DD)	Giới tính (Sex)
Địa chỉ (Address)		Số liên lạc (Contact)	

Thông tin cá nhân người nắm giữ giấy tờ gốc (Original Document Author Information)			
Quốc tịch (Nationality)	Họ tên (Name)	Ngày sinh (Date of Birth. YY/MM/DD)	Giới tính (Sex)

Các giấy tờ đã dịch (Document Translated)	
--	--

Tôi cam đoan nội dung bản dịch hoàn toàn đúng với nội dung bản gốc và sẵn sàng chịu trách nhiệm pháp luật nếu phát hiện nội dung bản dịch có bất cứ sự sai lệch nào so với thực tế. (The attached document has been translated accurately and reflects the phrasing of the original. I accept full legal responsibility for any discrepancies between this translation and the actual content.)

20 . . .

Người dịch (Translator) :

Kính gửi Bộ Tư Pháp

<GPA Conversion Table> Bảng chuyển đổi điểm trung bình

4.0 scale	4.3 scale	4.5 scale	7.0 scale	Thang điểm 100
3.93~4.00	4.23~4.30	4.40~4.50	6.91~7.00	100
3.86~3.92	4.15~4.22	4.34~4.41	6.81~6.90	99
3.78~3.85	4.06~4.14	4.25~4.33	6.71~6.80	98
3.71~3.77	3.98~4.05	4.16~4.24	6.61~6.70	97
3.63~3.70	3.90~3.97	4.08~4.15	6.51~6.60	96
3.56~3.62	3.82~3.89	3.99~4.07	6.41~6.50	95
3.48~3.55	3.74~3.81	3.90~3.98	6.31~6.40	94
3.41~3.47	3.65~3.73	3.82~3.89	6.21~6.30	93
3.33~3.40	3.57~3.64	3.73~3.81	6.11~6.20	92
3.26~3.32	3.49~3.56	3.64~3.72	6.01~6.10	91
3.18~3.25	3.41~3.48	3.56~3.63	5.91~6.00	90
3.11~3.17	3.33~3.40	3.47~3.55	5.81~5.90	89
3.03~3.10	3.25~3.32	3.39~3.46	5.71~5.80	88
2.96~3.02	3.16~3.24	3.30~3.38	5.61~5.70	87
2.88~2.95	3.08~3.15	3.21~3.29	5.51~5.60	86
2.81~2.87	3.00~3.07	3.13~3.20	5.41~5.50	85
2.73~2.80	2.92~2.99	3.04~3.12	5.31~5.40	84
2.66~2.72	2.84~2.91	2.95~3.03	5.20~5.30	83
2.58~2.65	2.75~2.83	2.87~2.94	5.10~5.19	82
2.51~2.57	2.67~2.74	2.78~2.86	5.00~5.09	81
2.43~2.50	2.59~2.66	2.69~2.77	4.90~4.99	80
2.36~2.42	2.51~2.58	2.61~2.68	4.80~4.89	79
2.28~2.35	2.43~2.50	2.52~2.60	4.70~4.79	78
2.21~2.27	2.34~2.42	2.43~2.51	4.60~4.69	77
2.13~2.20	2.26~2.33	2.35~2.42	4.50~4.59	76
2.06~2.12	2.18~2.25	2.26~2.34	4.40~4.49	75
1.98~2.05	2.10~2.17	2.17~2.25	4.30~4.39	74
1.91~1.97	2.02~2.09	2.09~2.16	4.20~4.29	73
1.83~1.90	1.93~2.01	2.00~2.08	4.10~4.19	72
1.76~1.82	1.85~1.92	1.91~1.99	4.00~4.09	71
1.68~1.75	1.77~1.84	1.83~1.90	3.90~3.99	70
1.61~1.67	1.69~1.76	1.74~1.82	3.80~3.89	69
1.53~1.60	1.61~1.68	1.65~1.73	3.70~3.79	68
1.46~1.52	1.53~1.60	1.57~1.64	3.60~3.69	67
1.38~1.45	1.44~1.52	1.48~1.56	3.50~3.59	66
1.31~1.37	1.36~1.43	1.39~1.47	3.40~3.49	65
1.23~1.30	1.28~1.35	1.31~1.38	3.30~3.39	64
1.16~1.22	1.20~1.27	1.22~1.30	3.20~3.29	63
1.08~1.15	1.12~1.19	1.14~1.21	3.10~3.19	62
1.01~1.07	1.03~1.11	1.05~1.13	3.00~3.09	61
dưới 1.00	dưới 1.02	dưới 1.04	dưới 2.99	60

QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (Educational History)

Phân loại đăng ký (Type of Application)		Số đăng ký (Application No.)		Họ Tên (Name)	Tiếng Hàn(Korean)	Tiếng Anh(English)	Quốc tịch (Nationality)	
--	--	---------------------------------	--	------------------	-------------------	--------------------	----------------------------	--

■ Ghi chép thông tin từng trường (Cao đẳng, THPT, THCS, Tiểu học) (College, High School, Middle School, and Elementary School) * **Viết bằng tiếng Anh**

Tên trường (School Name)	Quốc gia (Country)	Địa chỉ (School address)	Điện thoại (School Phone number)	Trang web (School web-site)	Thời gian theo học (Dates Attended*)		Ban cấp chứng nhận (Name of department issuing certificate)
					~Từ Năm/tháng (From~)YY/MM	~Đến Năm/tháng (To)YY/MM	

- ◇ Thời gian theo học phải được kê khai trong giấy chứng nhận(Dates attended should coincide with dates on proof of enrollment).
- ◇ Không cần ghi thông tin về trường mẫu giáo(Do not include the periods of the kindergarten.).
- ◇ Trên 15 ngày ghi thành 1 tháng và dưới 15 ngày thì bỏ qua(You can round up the dates of attendance if they exceed 15 days. If less, round down.).

Tôi cam đoan những điều đã khai đều đúng sự thật và đồng ý nếu những điều đã không đúng sự thật, thiếu sót hay sai lệch thì việc nhập học hay cấp học vị sẽ bị hủy bỏ.

(By signing here, I certify that the information I have provided on this form is true and correct to the best of my knowledge, and I fully understand that any falsifying or concealing material facts or using of any false documents in the submission of this form may result in the cancellation of my admission to Hannam University)

Ngày đăng ký(Date of Application): _____

Chữ ký người đăng ký(Applicant's Signature): _____